

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **78/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 31-10-2018.

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Doãn Đức Hùng

Ông Vũ Xuân Tuất

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 204/2018/TLST-HNGĐ ngày 02/4/2018 về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 73/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15/10/2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Anh Nguyễn H H, sinh năm 1966**

HKTT: Số abc, khu phố a, phường T Ph, thành phố B H, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở: Số bcd, Khu phố b, phường T Ph, thành phố B H, tỉnh Đồng Nai.

*** Bị đơn: Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1970**

HKTT: Số abc, khu phố a, phường T Ph, thành phố B H, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở: Tổ c, Khu phố d, thị trấn Tr B, huyện Tr B, tỉnh Đồng Nai.

(Anh H có mặt, chị V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn – anh Nguyễn Hữu H trình bày:**

Anh và chị Nguyễn Thị V tự nguyện tìm hiểu nhau và đi đến kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân phường T H, thành phố B H, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/8/1990.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, có phát sinh mâu thuẫn nhưng vì con cái còn nhỏ nên bỏ qua. Vợ chồng càng chung sống thì mâu

thuần phát sinh càng nhiều, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và không thể hòa giải được. Đầu năm 2017, anh đã dọn ra phòng trọ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do tính cách giữa hai vợ chồng quá khác biệt trong công việc cũng như trong cách đối nhân xử thế. Chị V không tôn trọng anh, mọi việc trong nhà đều tự quyết. Do mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự cảm thông, chia sẻ nên tình cảm vợ chồng không còn. Vào tháng 11/2017, anh và chị V đã quyết định bán nhà để chia đôi tài sản chung. Nay anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị V.

Về con chung: Anh và chị V có 03 con chung là Nguyễn Thị Thùy V1, sinh năm 1991, Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1997 và Nguyễn Hải Y, sinh năm 2004. Cháu Thùy V1 và cháu Vân A đều đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Hải Y hiện đang học lớp 9 và sống chung với chị V nên anh đồng ý giao cháu Y cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Y, mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh cam kết vợ chồng không có nợ chung.

* *Bị đơn – chị Nguyễn Thị V:* Vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định. Quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung vụ án: Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng chị V đều vắng mặt, không thể hiện thiện chí đoàn tụ. Chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh H và chị V đã trầm trọng, không thể kéo dài. Do vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H; Về con chung: Có 01 con chung chưa thành niên tên Nguyễn Hải Y, sinh năm 2004. Anh H đồng ý giao cháu Y cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng. Do vậy, giao cháu Y cho chị V nuôi dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung: Anh H khai không có; Về án phí: Anh H phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo biên bản xác minh tại UBND phường T Ph (BL 37) cho thấy: Chị Nguyễn Thị V có đăng ký hộ khẩu thường trú nhưng hiện tại đã bán nhà và không có mặt ở địa phương. Theo biên bản xác minh tại UBND thị trấn Tr B (BL 35, 36) thì: Chị Nguyễn Thị V đang sinh sống tại khu

phố d, thị trấn Tr B, huyện Tr B, tỉnh Đồng Nai nhưng không đăng ký thường trú và tạm trú. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom có thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS và điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[2.2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn – chị Nguyễn Thị V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ (niêm yết công khai) các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục quy định nhưng chị V vẫn vắng mặt, không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét về yêu cầu khởi kiện:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu H và chị Nguyễn Thị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/8/1990 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 5, Điều 6 và Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Nay anh H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị V và được Tòa án thụ lý ngày 02/4/2018 nên áp dụng thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị V không đến Tòa làm việc và không có văn bản trình bày ý kiến đối với những yêu cầu khởi kiện của anh H là tự từ bỏ quyền của mình. Tòa án cũng không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng khi không có sự hợp tác của chị V. Ngoài ra, tại biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Hữu Ph (anh ruột anh H), anh Đỗ Trường N và biên bản xác minh tại địa phương đều thể hiện: Giữa anh H và chị V có xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, do tính cách hai vợ chồng trái ngược nhau, đã hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn phát sinh, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân. Vì vậy, anh H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị V là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Anh H và chị V có 03 con chung là Nguyễn Thị Thùy V1, sinh năm 1991, Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1997 và Nguyễn Hải Y, sinh năm 2004. Cháu Thùy V1 và cháu Vân A đều đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Hải Y hiện đang học lớp 9² Trường THCS Hùng Vương – Thị trấn Tr B, huyện Tr B và đang sống chung với chị V, cháu Y cũng có nguyện vọng tiếp tục được sống chung với chị V.

Xét thấy, cháu Y hiện đang sống chung với mẹ và nhập học ở trường học tại thị trấn Tr B, cháu đã sống ổn định cùng với mẹ nên việc tiếp tục giao cháu Y cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Y 1.000.000đ/tháng, nên được ghi nhận.

[2.3]. Về tài sản chung: Anh H trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Không có.

[3]. Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với những nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, 147, 220, Điều 227, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5, 6 và Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu H.

1. Anh Nguyễn Hữu H được ly hôn với chị Nguyễn Thị V.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải Y, sinh năm 2004 cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Hữu H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị V, mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng, kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của anh Nguyễn Hữu H.

Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành án thì còn phải chịu lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS năm 2015.

2. Về án phí: Anh H phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000325 ngày 30/03/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Anh H còn phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Báo cho anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị V vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND p.T H,
- Tp.B H, t.Đồng Nai;
- VKSND h.Trảng Bom;
- CC.THADS h.Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đồ Thùì Dung